TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2019/DS-PT
Ngày: 23/7/2019
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2019/TLPT-DS ngày 04/6/2019 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2019/QĐ – PT ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Đặng Văn T, sinh năm 1937;

2. Đặng Văn D, sinh năm 1954;

3. Đặng Văn P, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Đặng Thị N, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Đặng Thị L, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Ấp A2, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

6. Đặng Thị T1, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Ấp A3, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

7. Đặng Thị L1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp A4, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện hợp pháp của ông D, bà L, bà T1, bà N, bà L1:* Ông Đặng Long T2 (Văn bản ủy quyền các ngày 27/6/2019 và 22/7/2019)

- *Người đại diện hợp pháp của ông T:* Ông Đặng Văn P (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2014)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Văn D:* Luật sư Huỳnh Minh T – Văn phòng luật sư Nguyễn Hoàng V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Đặng Văn T3, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đặng Thị D1 (vắng có đơn)

2. Đặng Thị Đ (vắng có đơn)

3. Đặng Thị M (vắng có đơn)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Đặng Văn T4, sinh năm 1937;

Địa chỉ: Ấp A2, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Huỳnh Thị P1, sinh năm 1969;

6. Đặng Trung N1, sinh năm 1990; (vắng có đơn)

7. Đặng Thị Bé H, sinh năm 1992;

8. Đặng Thị Ngọc H1, sinh năm 1997; (vắng có đơn)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện hợp pháp của chị H:* ông Đặng Văn T3 (Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017)

9. Ủy ban nhân dân huyện B. (vắng có đơn)

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Đặng Văn D, Đặng Văn P.

Các đương sự có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, các nguyên đơn ông bà Đặng Thị L, Đặng Văn T, Đặng Văn D, Đặng Văn P, Đặng Thị N, Đặng Thị T1, Đặng Thị L1 cùng trình bày:

Đất tranh chấp (phần 1, 4) có diện tích 248,6 m^2 thuộc một phần thửa 248, tờ bản đồ số 13, diện tích chung 5.906 m^2, mục đích sử dụng Lnk, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, hiện do cha của các nguyên đơn là ông Đặng Văn S đứng tên quyền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 24/6/1994.

Nguồn gốc thửa 248 là của ông cố Đặng Văn T để lại cho ông nội Đặng Văn L1. Sau đó, ông L1 để lại cho ông S. Năm 1997, ông S chết, không để lại di chúc. Khi sử dụng đất, ông S có dành một phần làm đường cộ lúa giáp với đất của gia đình ông T3. Năm 2008, ông T3 lấn chiếm đường cộ lúa để xây chuồng bò nên hai bên phát sinh tranh chấp. Hiện trạng đất tranh chấp hiện nay có 01 phần chuồng bò, 01 chuồng gà, 01 phần nhà, 01 giếng nước và cây ăn trái của gia đình ông T3. Nay ông bà yêu cầu ông T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan di dời tài sản trả lại diện tích đất tranh chấp trên.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Đặng Văn T3 trình bày:

- Phần tranh chấp (1) diện tích 221,6 m^2 là một phần trong diện tích đất khoảng 728 m^2 có nguồn gốc của ông cố tên Đặng Văn Q nhận chuyển nhượng từ ông bà của các nguyên đơn. Sau đó, ông Q để lại cho ông nội tên Đặng Văn T6 sử dụng từ năm 1950. Năm 1984, ông T6 chết, để lại cho ông sử dụng cho đến nay.

- Phần tranh chấp (4) diện tích 27 m^2 trước đây có nguồn gốc của ông Đặng Văn Q1 và bà Huỳnh Thị C. Năm 2003, ông và bà C trao đổi để sử dụng làm lối đi ra đường công cộng cho đến nay.

Từ xưa đến nay, đất của ông và của gia đình nguyên đơn liền kề nhau, nhưng có ranh giới, được phân biệt bởi những cây duối cổ thụ thẳng hàng và trụ xi măng. Thời điểm cặm ranh là trụ xi măng có ông Mai Văn T7 chứng kiến. Năm 2006, khi ông đăng ký kê khai quyền sử dụng đất thì mới được cơ quan chuyên môn cho biết đất của ông đã bị đo nhập vào thửa 248 của ông S. Thời gian này, ông P cũng như chính quyền xã A đều xác nhận bản đồ địa chính

thành lập thời điểm 1994 đối với thửa 248 có sai sót, về diện tích đường cộ lúa trước đây hiện thuộc phần còn lại (không tranh chấp) của thửa 248 và do ông D sử dụng. Do đó, việc các nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp là đường cộ lúa và căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S yêu cầu ông di dời tài sản trả lại đất là không đúng, ông không đồng ý. Đồng thời, ông phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B cấp cho ông S vào ngày 24/6/1994 tại diện tích đất 248,6 m^2 thuộc một phần thửa 248, tờ bản đồ số 13.

Tại văn bản số 2364/UBND-NC ngày 17/8/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các nguyên đơn với ông T3 được UBND xã A thụ lý, sau đó hồ sơ được chuyển đến Tòa án. UBND huyện không thụ lý hồ sơ, không nắm rõ sự vụ tranh chấp nên không có căn cứ để nêu ý kiến hủy hay không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Hai bà Đặng Thị Đ, Đặng Thị M trình bày: Hai bà và ông T3 là cô cháu ruột. Nguồn gốc các thửa 248, 503, 431 cùng tờ bản đồ số 13 trước đây đều của ông bà chung. Sau đó, chia cho gia đình các ông S, T3, Q1 sử dụng. Trong đó, phần (1) là một phần trong số đất của ông T6 và bà T8, sử dụng từ trước 1975. Khoảng năm 1985, ông T6 chết. Do từ nhỏ ông T3 sống chung với ông T6, bà T8 nên hàng thừa kế thứ nhất của ông T6, bà T8 đồng ý giao cho ông T3 tiếp tục sử dụng cho đến nay. Phần (4) trước đây là của ông Q1, bà C. Sau này, ông T3 trao đổi với bà C để làm lối đi và sử dụng cho đến nay. Về đường cộ lúa trước đây do ông S dành ra, sau này, ông D xây lại nhà đã sử dụng hết phần đường cộ trâu trên. Hiện trạng phần (1) từ trước đến nay là đất giồng, không thay đổi. Hiện trạng phần (4) trước đây là đất giồng, sau này ông T3 có đổ đất thêm và tráng đan. Hai bà xác định không có tranh chấp đất với ông T3.

- Ông Đặng Văn T4 và bà Đặng Thị D1 đồng ý với trình bày của bà Đ, bà M. Chỉ bổ sung là phần đất mà trước đây ông T6 quản lý sử dụng hiện nay theo bản vẽ ngày 23/10/2018 là phần (1) và phần (2).

Tại Bản án số 05/2019/DS-ST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông bà Đặng Thị L, Đặng Văn T, Đặng Văn D, Đặng Văn P, Đặng Thị N, Đặng Thị T1, Đặng Thị L1 về việc yêu cầu ông Đặng Văn T3 và bà Huỳnh Thị P, Đặng Trung N1, Đặng Thị Bé H, Đặng Thị Ngọc H1 di dời tài sản trả lại diện tích 248,6 m^2 (phần 1, 4) thuộc một phần thửa

248, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có bản vẽ ngày 23/10/2018 kèm theo)

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Văn T3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh diện tích 248,6 m^2 (phần 1, 4) thuộc một phần thửa 248, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ ngày 23/10/2018 kèm theo) từ ông Đặng Văn S chuyển sang ông Đặng Văn T3.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/3/2019 nguyên đơn Đặng Văn D và Đặng Văn P kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đặng Văn T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan di dời tài sản trả lại diện tích 248,6 m^2 (phần 1, 4) thuộc một phần thửa 248, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Đặng Văn D, Đặng Thị N, Đặng Thị L, Đặng Thị T1, Đặng Thị L1 là anh Đặng Long T2 và nguyên đơn Đặng Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, đề nghị hội đồng xét xử xem xét về tố tụng do thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm là bà Đặng Thị Ngọc D2 có quan hệ họ hàng với cả hai bên nên không đảm bảo tính khách quan, ở cấp sơ thẩm nguyên đơn đã đề nghị thay đổi thẩm phán nhưng không được giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: đề nghị hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm có quan hệ họ hàng với cả hai bên đương sự, mặc dù không có chứng cứ chứng minh nhưng để đảm bảo việc xét xử khách quan vô tư nguyên đơn đã đề nghị thay đổi thẩm phán nhưng không được giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện B giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn có nộp đơn yêu cầu thay đổi thẩm phán đề ngày 11/01/2018 nộp trực tiếp tại phiên tòa ngày 12/01/2018 với nội

dung đề nghị thay đổi thẩm phán Đặng Thị Ngọc D2 với lý do ông Đặng Văn T3 và bà D2 có mối quan hệ bà con đầu ông cố với nhau. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 12/01/2018 thể hiện sau khi nghị án thẩm phán chủ tọa phiên tòa tuyên không chấp nhận yêu cầu thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa của nguyên đơn. Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa giải thích: phiên tòa xét xử vào ngày 13/12/2017 được tạm ngừng để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, cụ thể: tiến hành đo đạc bổ sung thửa đất số 462, tờ bản đồ số 13. Tuy nhiên việc đo đạc vẫn chưa thực hiện được do chủ sử dụng thửa đất số 418 tờ bản đồ số 13 vắng mặt, theo quy định pháp luật phải tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Như vậy, hội đồng xét xử không giải thích rõ cho đương sự về việc vì sao không đồng ý yêu cầu thay đổi thẩm phán là không đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[2] Sau khi lý do tạm đình chỉ không còn, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và thông báo tiếp tục phiên tòa xét xử là vi phạm tố tụng. Đáng lẽ ra Tòa án phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sau khi khôi phục thời hạn xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/02/2019, thẩm phán chủ tọa phiên tòa không tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa mà tiến hành phần tranh tụng, không hỏi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng hay không là gây thiệt hại đến quyền của đương sự. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm có những vi phạm tố tụng nên hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nên cấp phúc thẩm không xem xét nội dung vụ án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: ông D, ông P không phải chịu theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B giải quyết lại theo thủ tục chung.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn D và ông Đặng Văn P không phải chịu. Hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho ông D và ông P số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu số 0001838 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng